

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả
chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1610/TTr-SNNPTNT ngày 13/7/2015 về việc đề nghị ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 08/BC-STP ngày 21/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chử

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường; hỗ trợ đào tạo người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm (gà, vịt), trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).

b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 2. Nguồn kinh phí và nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

1. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách cấp và lồng ghép các chương trình, dự án (nếu có).

2. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ: Các hộ gia đình chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc đáp ứng điều kiện hỗ trợ được áp dụng hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí mua tinh lợn, trâu, bò và kinh phí mua vật tư phối giống nhân tạo cho trâu, bò (*nitor lỏng, găng tay và dẫn tinh quản*) cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi, được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và giao kế hoạch.

Kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở được căn cứ đơn giá liều tinh, định mức vật tư phối giống theo quy định tại điểm a, b, khoản 2 và khoản 3, Điều 3 của Quy định này nhân với số lượng thực tế cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong kế hoạch được giao hàng năm.

b) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã mua lợn, trâu, bò đực

giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; có hóa đơn tài chính theo quy định.

c) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

d) Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn, có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn hoặc hỗ trợ thông qua các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền chỉ định (nếu có).

đ) Hỗ trợ trực tiếp cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc mua bình chứa Nitơ lỏng để bảo quản tinh; có hóa đơn tài chính theo quy định.

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Chương II **HỖ TRỢ ĐỐI VỚI HỘ CHĂN NUÔI**

Điều 3. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm cho trâu, bò, lợn

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% kinh phí mua tinh và vật tư phối giống nhân tạo cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò cái sinh sản.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí mua tinh cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho lợn nái.

2. Định mức hỗ trợ vật tư phối giống

a) Đối với tinh và vật tư phối giống nhân tạo cho trâu, bò:

- Vùng đồng bằng:

+ Tinh đông lạnh: không quá 1,6 liều tinh/bò cái có chửa (bò thịt), 3,0 liều tinh/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chửa.

+ Ni tơ lỏng: không quá 1,14 lít/bò cái có chửa (bò thịt), 2,0 lít/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chửa.

+ Dụng cụ (găng tay, dẫn tinh quản): không quá 1,6 bộ/bò cái có chửa (bò thịt), 3,0 bộ/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chửa.

- Vùng miền núi, hải đảo:

+ Tinh đông lạnh: không quá 02 liều tinh/bò cái có chửa (bò thịt), 04 liều tinh/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chửa.

+ Ni tơ lỏng: không quá 1,5 lít/bò cái có chửa (bò thịt), 3,0 lít/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có chửa.

+ Dụng cụ (găng tay, dẫn tinh quản): không quá 02 bộ/bò cái có chửa (bò

thịt), 04 bộ/bò cái hướng sữa hoặc trâu cái có sữa.

b) Đối với tinh lợn dùng để phối giống nhân tạo: không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.

3. Đơn giá hỗ trợ tinh và vật tư phối giống: Đầu năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính xác định theo quy định và thông báo đơn giá liều tinh trâu, bò, lợn và vật tư phối giống gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ: Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chăn nuôi dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản; dưới hoặc 10 con lợn nái, có nhu cầu, đăng ký với người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc tại địa phương (được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đã qua đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc và được cấp chứng chỉ).

b) Sử dụng tinh của các giống trâu, bò, lợn được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam:

- Đối với tinh bò, trâu: Sử dụng tinh của một trong các giống bò, trâu sau: nhóm bò Zebu gồm các giống như: Sind, Brahman, Sahiwal; nhóm bò thịt chất lượng cao gồm các giống như: Charolais, Herefor, Shorthorn, Droughtmaster, Santa Gertrudis, Lymousine; nhóm bò sữa gồm các giống như: HF, Jersey; trâu Murrah, trâu nội.

- Đối với tinh lợn: sử dụng tinh của một trong các giống lợn ngoại sau: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain, Cornwall.

c) Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh: đúng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015.

Điều 4. Hỗ trợ mua lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chỉ một lần đến 50% kinh phí mua lợn, trâu, bò đực giống cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ như sau:

- Số lượng lợn, trâu, bò đực giống hỗ trợ cho một xã hoặc thôn được căn cứ theo số lượng đàn gia súc cái sinh sản tại địa phương như sau: 01 trâu đực giống/30 trâu cái; 01 bò đực giống/40 bò cái; 01 lợn đực giống/50 lợn nái.

- Mức hỗ trợ: không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 con đối với lợn đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên, mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con lợn đực giống; không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/01 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/01 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống.

Trường hợp hộ chăn nuôi được nhận hỗ trợ giống vật nuôi thuộc Chương trình 30a hoặc Chương trình 135, sẽ được nhận kinh phí hỗ trợ thêm để bù đủ mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này.

b) Chỉ hỗ trợ một lần đến 50% kinh phí mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/01 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chăn nuôi các đối tượng lợn, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và cam kết thực hiện đúng kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015.

b) Giống lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị mua được hỗ trợ, gồm các giống sau đây:

- Bò đực giống: Bò lai Zê bu (F_2, F_3), có từ 75% máu bò Zê bu trở lên;

- Trâu đực giống: Trâu lai Murrah hoặc trâu nội được mua về từ các địa phương khác trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh;

- Lợn đực giống: Lợn Yorkshire hoặc Landrace hoặc Duroc hoặc Pietrain hoặc Cornwall;

- Gà giống bố mẹ hậu bị: Gà ta (kiến) chọn lọc hoặc các giống gà lông màu thả vườn;

- Vịt giống bố mẹ hậu bị: Vịt cỏ chọn lọc hoặc vịt Kakicampell hoặc vịt Super meat hoặc vịt CV-2000 hoặc vịt Triết Giang;

c) Tiêu chuẩn chất lượng con giống:

Thực hiện theo đúng qui định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: hoặc lợn đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống bố mẹ hậu bị, hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị.

Điều 5. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chỉ một lần đến 50% kinh phí xây dựng công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 công trình/01 hộ;

b) Hỗ trợ chỉ một lần đến 50% kinh phí làm đệm lót sinh học xử lý chất thải

chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/lần/ 01 hộ.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ.

Để được hỗ trợ, hộ chăn nuôi phải bảo đảm các điều kiện:

a) Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn xác nhận về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

- Xây dựng công trình khí sinh học thực hiện theo kỹ thuật – công nghệ KT1, KT2 hoặc làm bằng vật liệu composit.

- Làm đệm lót sinh học theo qui trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn.

b) Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

Chương III **HỖ TRỢ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN** **PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO GIA SÚC**

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chỉ một lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/01 người.

b) Số lượng người được hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc: không quá 05 người/xã, phường, thị trấn (*trong đó có 03 người đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trâu, bò; 02 người đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo lợn*).

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ, người đi đào tạo, tập huấn phải bảo đảm các điều kiện:

a) Đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 40 tuổi.

b) Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

Điều 7. Hỗ trợ mua bình chứa nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc

1. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ chỉ một lần đến 100% kinh phí mua bình chứa nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm

triệu đồng)/01 bình/01 người.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ, người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện:

a) Đã qua đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc và được cấp chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chấp thuận;

b) Mua đúng các loại bình sau: Bình chứa nitơ lỏng để vận chuyển tinh đi phối giống ở cơ sở (bình công tác): loại bình từ 1,0 đến 3,7 lít/bình.

c) Cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Trên cơ sở kế hoạch do các huyện, thành phố lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu về số lượng, kinh phí cần hỗ trợ cho các địa phương; phối hợp với Sở Tài chính xem xét thẩm tra, trình UBND tỉnh phê duyệt trước tháng 10 hàng năm để triển khai thực hiện.

b) Kiểm tra tình hình thực hiện Quy định này tại các huyện, thành phố.

c) Tham mưu UBND tỉnh chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư phối giống nhân tạo cho trâu, bò đảm bảo chất lượng để người chăn nuôi tại địa phương chủ động lựa chọn;

d) Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thẩm tra kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trình UBND tỉnh hoặc Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí theo phân cấp để thực hiện;

b) Hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán;

c) Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Bố trí lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả thực hiện Quy định này.

4. UBND các huyện, thành phố

Giao nhiệm vụ cho phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng

Kinh tế (đối với thành phố Quảng Ngãi) hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn (đối với huyện Lý Sơn) chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, tham mưu UBND huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng hợp danh sách đề nghị được hỗ trợ báo cáo UBND huyện, thành phố.

b) Lập kế hoạch xác định nhu cầu về số lượng và kinh phí cần hỗ trợ: các loại tinh lợn, trâu, bò; các loại giống vật nuôi; nhu cầu đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc; công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi; nhu cầu làm đệm lót sinh học tại các xã, phường, thị trấn; tham mưu UBND huyện, thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 8 hàng năm.

c) Tổ chức chỉ đạo thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng; thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách tại các địa phương;

d) Hàng năm, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và tổ chức họp sơ kết để đánh giá kết quả triển khai chính sách hỗ trợ trên địa bàn huyện, thành phố; đề xuất kiến nghị với các sở, ngành liên quan giải pháp tháo gỡ những bất cập trong triển khai chính sách.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Thông báo, niêm yết công khai chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015-2020 tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn.

b) Tiếp nhận, xác nhận đơn đề nghị hỗ trợ của các hộ chăn nuôi theo đúng quy định.

c) Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện, thành phố để xem xét lựa chọn đối tượng được hỗ trợ đảm bảo công khai, đúng theo quy định và tổng hợp kế hoạch, danh sách hộ báo cáo về UBND huyện, thành phố trong tháng 7 hàng năm.

6. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với lợn và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

c) Không sử dụng lợn, trâu, bò đực giống không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

d) Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chử**